



VIMCERTS 210



VILAS 1382

Số: 1393-NT02/2026.3372

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty TNHH MTV KCN Lai Vu
Địa điểm quan trắc : KCN Lai Vu, Xã Lai Khê, Thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải
Ngày quan trắc : 08/06/2026 - Ngày phân tích: 08/06/2026 - 20/07/2026
Tên mẫu/Vị trí quan trắc : NT02/Nước thải sau xử lý lấy tại điểm xả ra môi trường

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT	QCVN 13- MT:2015/ BTNMT
				26.1393.NT.02	Cột A - Cmax	
1	Lưu lượng	m ³ /ngày .đêm	QTHT 47/CLC	328	-	-
2	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	28	40	40
3	Độ màu	Pt/Co	SMEWW 2120BC:2023	KPH(3)	50	75
4	pH	-	TCVN 6492:2011	6,8	6 ÷ 9	6 - 9
5	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	8	30	30
6	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	19	75	100
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	12	50	50
8	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S2-B&D:2023	KPH(0,02)	0,2	-
9	Florua (F ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	1,26	5	-
10	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	89	500	-
11	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH(0,02)	5	-
12	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	6,3	20	-
13	Tổng phospho	mg/L	SMEWW 4500-P.B&.E:2023	0,67	4	-
14	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B: 2023	KPH(0,003)	0,05	0,05
15	Crom (III) ^(*)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023+SMEWW 3111B:2023	KPH(0,03)	0,2	-
16	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	<0,1	1	-
17	Asen (As)	mg/L	US EPA method 200.8	0,007	0,05	-
18	Thủy ngân (Hg)	mg/L		KPH(0,0003)	0,005	-
19	Chì (Pb)	mg/L		<0,012	0,1	-
20	Cadimi (Cd)	mg/L		KPH(0,001)	0,05	-
21	Đồng (Cu)	mg/L		<0,006	2	-
22	Kẽm (Zn)	mg/L		0,030	3	-
23	Niken (Ni)	mg/L		KPH(0,002)	0,2	-
24	Mangan (Mn)	mg/L		0,027	0,5	-
25	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,104	1	1
26	Tổng Xyanua (CN ⁻)	mg/L	SMEWW	KPH(0,003)	0,07	0,07

Kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Lãnh đạo Công ty.
Kết quả này có giá trị cho mẫu thử. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ mẫu vi sinh)
Hết thời gian lưu mẫu, chúng tôi không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



VIMCERTS 210

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO HẢI DƯƠNG

51 Lê Duẩn - KĐT Ecorivers - phường Tân Hưng - thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0220.3838298 * Email: Phantichcongnghercao@gmail.com

MSDN: 0801185585



VILAS 1382

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT	QCVN 13- MT:2015/ BTNMT
				26.1393.NT.02	Cột A - Cmax	
			4500-CN-.C&E:2023			
27	Tổng phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH(0,0045)	0,1	-
28	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH(0,3)	5	-
29	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	SMEWW 5540 B&C :2023	KPH (0,05)	-	5
30	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha^{(*)}$	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH(0,02)	0,1	-
31	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta^{(*)}$	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH(0,02)	1	-
32	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (2)	3.000	-

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp, áp dụng cột A, Cmax: Kq=1,0, Kf=1,0
- QCVN 13-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp dệt nhuộm, áp dụng cột A, Cmax: Kq=1,0, Kf=1,0
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp;
- Kết quả có dấu "<" là kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (*): Thông số được thực hiện bởi Vimcerts 269;
- (-): Không quy định/không thực hiện.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2026

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Bích Phượng

Phạm Văn Hải

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Thị Thảo